TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tuấn Anh
Ông Nguyễn Đình Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST- HNGĐ ngày 17/3/2021 về việc tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Lan A** – sinh năm 1993
Địa chỉ: Khu 11, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
- Bị đơn: Anh **Lê Trọng Đ** – sinh năm 1993
Địa chỉ: Khu 11, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị Lan A trình bày:

Chị và bị đơn là anh Lê Trọng Đ kết hôn với nhau vào năm 2017 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã P), huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng chị ở chung với bố mẹ chồng tại xã P được một thời gian thì về chung sống tại xã B. Qúa trình chung sống, hai bên hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ ngoại tình, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 1/2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Trần Bảo L, sinh ngày 09/01/2017. Hiện đang ở với chị A. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Lan A và anh Lê Trọng Đ.

- Về con chung: Giao cho chị A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Bảo L, sinh ngày 09/01/2017. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị A.

- Về tài sản chung, về vay nợ chung: Chị A không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Lan A cư trú tại khu 11, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lê Trọng Đ cư trú ở cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Trọng Đ hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại Khu 11, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình giải quyết, anh Đ không có mặt nhưng Tòa án đã tống đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh Đ theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của anh Đ) cư trú tại xã P cung cấp thông tin đều nhận giấy báo của Tòa án và cam kết thông báo lại cho anh Đ. Anh Đ biết việc chị A xin ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết nhưng không lên Tòa án để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

Qúa trình xét xử, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lan A và anh Lê Trọng Đ kết hôn với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (Nay là xã P), huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Đ ngoại tình, không có trách nhiệm với gia đình, không

quan tâm đến vợ con. Vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị A xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Trần Bảo L, sinh ngày 09/01/2017, hiện đang ở cùng chị A. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu L cùng chị. Chị A làm lao động tự do ở địa phương, có thu nhập và chỗ ở ổn định. Anh Đ đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không trực tiếp nuôi dạy con. Chị A có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, ly hôn sẽ giao cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng cháu L để tránh sáo trộn cuộc sống của cháu là hợp tình, hợp lý.

Việc chị A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị A không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu chị A, anh Đ có đơn đề nghị, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Lan A và anh Lê Trọng Đ.

2- Về con chung: Giao cho chị A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Bảo L, sinh ngày 09/01/2017. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị A. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Lan A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0002089 ngày 17/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị A đã nộp đủ án phí.

Chị A, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Viết Anh